

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN-LẦN 2
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
 Học kỳ 3, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Kế toán quản trị		
Mã học phần:	233_71ACCT30053	Số tin chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	233_71ACCT30053-01,02,03		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu: (giấy và file đã down về máy)</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

Hình thức làm tự luận : Gõ trực tiếp vào ô trả lời hoặc đính kèm file word, excel (không đính kèm hình ảnh)

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Phân loại được các loại chi phí trong doanh nghiệp theo hướng kế toán quản trị nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho việc ra quyết định kế toán quản trị	Trắc Nghiệm	20%	Câu 1,2,3,4,5	0.4đ/câu (tổng điểm 5 câu là 2 điểm)	PI3.1
CLO2	Vận dụng các kỹ thuật kế toán quản trị vào việc tính giá thành, lập kế hoạch, kiểm soát và ra quyết định	Trắc Nghiệm	20%	Câu 6,7,8,9,10	0.4đ/câu (tổng điểm 5 câu là 2 điểm)	PI3.1A
		Tự luận	10%	Câu 16	1 điểm	PI3.1A
		Tự luận	10%	Câu 17	1 điểm	PI3.1A
CLO3	Sử dụng các báo cáo quản trị: báo cáo số dư đảm phí, báo cáo về dự toán ngân sách, báo cáo phân tích biến động chi phí ... phục vụ cho việc đánh giá và ra quyết định cho doanh nghiệp một cách độc lập.	Trắc Nghiệm	20%	Câu 11,12,13,14, 15	0.4đ/câu (tổng điểm 5 câu là 2 điểm)	PI3.2A
		Tự luận	10%	Câu 18	1 điểm	PI3.2A
		Tự luận	10%	Câu 19	1 điểm	PI3.2A

III. Nội dung câu hỏi thi**PHẦN TRẮC NGHIỆM 15 câu (6 điểm- 0.4 điểm/câu)****Câu 1**

Có số liệu dưới đây của doanh nghiệp cơ khí Kim Thành.

Tháng	Nguyên liệu đồng (Tấn)	Chi phí động lực (ĐVT: 1.000Đ)
1	55	22.000
2	45	28.000
3	40	17.600
4	50	20.000
5	65	24.000
6	60	22.400

Phương trình chi phí động lực theo phương pháp cực đại - cực tiểu là bao nhiêu

- A. $Y = 256X + 7.360$
- B. $Y = 246X + 7.250$
- C. $Y = 230X + 7.382$
- D. $Y = 236X + 7.570$

ANSWER: A

Câu 2:

Chi phí nào trong các khoản chi phí dưới đây không thuộc loại chi phí sản xuất chung ở công ty may mặc:

- A. Chi phí vải may.
- B. Chi phí dầu nhờn bôi trơn máy may.
- C. Lương trả cho nhân viên kế toán ở phân xưởng.
- D. Chi phí điện, nước sử dụng ở phân xưởng.

ANSWER: A

Câu 3:

Phân loại chi phí theo chức năng, chi phí khuyến mãi, quảng cáo để thúc đẩy gia tăng sản lượng hàng tiêu thụ được xem là

- A. Chi phí ngoài sản xuất
- B. Chi phí trực tiếp
- C. Chi phí sản xuất
- D. Chi phí gián tiếp

ANSWER: A

Câu 4:

Tại phân xưởng H sản xuất nhiều loại sản phẩm, các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm có mã số PT97-98 như sau: (đvt: 1.000 đồng)

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	230
Chi phí nhân công trực tiếp	120
Chi phí sản xuất chung	460
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	190

Vậy chi phí sản xuất trực tiếp của sản phẩm PT97-98 là:

- A. 350.000 đồng
- B. 540.000 đồng
- C. 580.000 đồng

D. 310.000 đồng

ANSWER: A

Câu 5:

Doanh nghiệp X trong kỳ phát sinh các loại chi phí sau. Hãy xác định xem chi phí nào là chi phí sản xuất chung

- A. Chi phí khấu hao máy móc dùng trong phân xưởng sản xuất
- B. Chi phí khấu hao xe tải dùng cho việc giao hàng
- C. Chi phí khấu hao xe hơi dùng để chở giám đốc đi công tác
- D. Chi phí khấu trừ các khoản trích theo lương của nhân viên kế toán

ANSWER: A

Câu 6:

2.000 tấn nguyên liệu đã được đưa vào quy trình vào tháng 1 với chi phí 16.800 USD. Sản lượng thành phẩm là 1.900 tấn. Mức tổn thất thông thường trong quy trình này là 10% trọng lượng đầu vào và phế thải được xác định ở cuối quy trình có thể được bán với giá 3 USD/tấn.

Tổn thất (hao hụt) tăng/giảm bất thường (tính bằng tấn) là bao nhiêu?

- A. Giảm 100 tấn
- B. Tăng 100 tấn
- C. Giảm 200 tấn
- D. Tăng 200 tấn

ANSWER: A

Câu 7

Khi tính giá thành dịch vụ vận chuyển hàng hóa, đơn vị chi phí phù hợp để có thể tính giá thành dịch vụ này là

- A. Tính trên kg.km vận chuyển hàng hóa
- B. Tính trên kg vận chuyển
- C. Tính trên km vận chuyển
- D. Tính theo số khách đến đăng ký vận chuyển

ANSWER: A

Câu 8

Cho số liệu sản xuất tại Doanh nghiệp X như sau

Nguyên vật liệu:	2kg, \$7/kg
Nhân công:	2 giờ, \$5/giờ
Giờ chạy máy	1 giờ, \$8/giờ
Giá bán	\$45/sản phẩm

Biến phí bán hàng là \$0.5/sp

Định phí sản xuất chung là \$10,800 tính cho 12,000 sản phẩm.

Tính chi phí sản xuất đơn vị sản phẩm, biết Doanh nghiệp X dùng phương thức giá thành đầy đủ

- A. \$32.9
- B. \$45
- C. \$32
- D. \$11.1

ANSWER: A

Câu 9

Công ty X có số liệu như sau

Biến phí đơn vị: 60.000 đồng/sản phẩm

Định phí: 90.000.000 đồng

Giá bán 120.000 đồng

Hãy tính Doanh thu hòa vốn của Cty X

A. 180.000.000 đồng

B. 120.000.000 đồng

C. 600.000.000 đồng

D. 375.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 10

Việc dự kiến số nguyên vật liệu cần mua để đáp ứng yêu cầu sản xuất phù hợp với tên gọi của Dự toán nào

A. Dự toán nguyên vật liệu trực tiếp

B. Dự toán tồn kho thành phẩm

C. Dự toán sản xuất

D. Dự toán chi phí sản xuất chung

ANSWER: A

Câu 11

Giả sử doanh nghiệp X căn cứ vào tình hình tiêu thụ sản phẩm A kỳ trước, những ảnh hưởng của thị trường và nhu cầu tiêu dùng năm kế hoạch. Cty X có kế hoạch tiêu thụ sản phẩm A năm 2024 như sau: quý 1 40.000 sản phẩm, quý sau tăng hơn quý trước 10%.

Giả sử DN X dự toán hàng tồn kho cuối kỳ này xác định bằng 30% sản lượng tiêu thụ kỳ sau. Sản lượng tồn kho cuối năm 2023 là 12.000 sản phẩm. Sản lượng tiêu thụ quý I năm 2025 là 35.000 sản phẩm.

Số lượng sản phẩm cần sản xuất quý IV/2024 là bao nhiêu

A. 47.768

B. 45.768

C. 43.768

D. 49.768

ANSWER: A

Câu 12

Để sản xuất sản phẩm A, 6.300 kg nguyên liệu trực tiếp đã được sử dụng với chi phí 11.000 đồng mỗi kg. Theo định mức số nguyên vật liệu cần là 6.000 kg với định mức giá 10.000 đồng mỗi kg. Chênh lệch lượng của chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là:

A. Bất lợi 3.000.000 đồng

B. Bất lợi 3.300.000 đồng

C. Thuận lợi 3.000.000 đồng

D. Thuận lợi 3.300.000 đồng

ANSWER: A

Câu 13

Để sản xuất sản phẩm A, 6.300 kg nguyên liệu trực tiếp đã được sử dụng với chi phí 11.000 đồng mỗi kg. Theo định mức số nguyên vật liệu cần là 6.000 kg với định mức giá 10.000 đồng mỗi kg. Chênh lệch của giá của chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là:

- A. Bất lợi 6.300.000 đồng
- B. Bất lợi 6.000.000 đồng
- C. Thuận lợi 6.000.000 đồng
- D. Thuận lợi 6.300.000 đồng

ANSWER: A

Câu 14

Công ty A đang nghiên cứu việc loại bỏ sản phẩm T. Sản phẩm này hiện có số dư đảm phí là 20.000.000 đồng. Nếu loại bỏ sản phẩm T, công ty có thể giảm 5.000.000 đồng định phí trực tiếp. Quyết định này sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận chung là:

- A. Giảm 15.000.000 đồng.
- B. Giảm 5.000.000 đồng.
- C. Tăng 5.000.000 đồng.
- D. Tăng 15.000.000 đồng.

ANSWER: A

Câu 15

Quyết định ngắn hạn thường có thời gian ít hơn:

- A. Một năm.
- B. Năm năm.
- C. Mười năm.
- D. Hai năm.

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 16- 1 điểm

Doanh nghiệp A chuyên sản xuất kinh doanh xe đạp. Doanh nghiệp A có số liệu về hoạt động sản xuất kinh doanh trong tháng 1/2024 như sau

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Số tiền	Số lượng sản phẩm
Doanh thu	600.000.000	300 xe đạp
Biến phí	300.000.000	
Định phí	180.000.000	
Lợi nhuận	120.000.000	

Yêu cầu

1. Tính tổng số dư đảm phí tháng 1/2024 của Doanh nghiệp A (0.25 điểm)
2. Tính sản lượng hòa vốn và doanh thu hòa vốn tháng 1/2024 của Doanh nghiệp A. (0.25 điểm)
3. Nếu tháng 2/2024, doanh thu Doanh nghiệp A tăng thêm 100.000.000 đồng (tăng do số lượng bán tăng) thì lợi nhuận Doanh nghiệp A tăng lên bao nhiêu. (0.25 điểm)
4. Nếu tháng 2/2024, Doanh nghiệp A dự kiến tăng chi phí quảng cáo thêm 30.000.000 đồng, giảm giá bán đi 10%, lúc này sản lượng tiêu thụ dự kiến tăng 30%. Em hãy tính lợi nhuận của tháng 2/2024. (0.25 điểm)

Câu 17- 1 điểm

Doanh nghiệp BIBI kinh doanh sản phẩm X, dự kiến tình hình tiêu thụ và thu tiền năm N như sau:

Nhu cầu tiêu thụ:

Chỉ tiêu	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Cả năm	Giá bán
SP X	20.000	40.000	60.000	90.000	210.000	60.000 đồng/sp

Tình hình thu tiền:

- 25% doanh thu được thu ngay trong quý, 75% doanh thu được thu ở quý sau
- Nợ phải thu quý 4/N-1 của sản phẩm X: 200.000.000 đồng

Tình hình sản xuất

- Biết rằng cuối mỗi quý, Doanh nghiệp muốn số lượng tồn kho bằng 20% sản lượng tiêu thụ của quý sau.
- Sản lượng tiêu thụ quý 1 năm sau là 70.000 sản phẩm

Yêu cầu:

1. Lập dự toán tiêu thụ của sản phẩm X năm N (0.5 điểm)
2. Lập dự toán sản xuất của sản phẩm X năm N (0.5 điểm)

Câu 18- 1 điểm

Tại Công ty Hoa Sứ, có tài liệu về định mức chi phí sản xuất 1 đơn vị sản phẩm như sau (đvt: 1.000 đồng)

Khoản mục chi phí	Định mức lượng	Định mức giá
Nguyên vật liệu trực tiếp	5 kg	3

Trong kỳ, công ty đã sản xuất được 2.000 sản phẩm. Các số liệu thực tế của quá trình dự trữ và sản xuất sản phẩm được ghi nhận như sau:

Vật liệu tồn đầu kỳ: 1.000 kg.

Vật liệu mua về: 14.000 kg để sử dụng sản xuất trong kỳ với giá 2.800 đồng/kg.

Vật liệu tồn kho cuối kỳ: 3.800 kg.

Yêu cầu:

1. Phân tích biến động về giá của chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (0,5 điểm)
2. Phân tích biến động về và lượng của chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (0,5 điểm)

Câu 19- 1 điểm

Công ty Minh San sản xuất nhiều loại sản phẩm trong đó có sản xuất 40.000 sản phẩm A một năm. Chi phí sản xuất 1 sản phẩm A như sau: (ĐVT: 1.000 đ).

Chi phí NVLTT.....	46,8
Chi phí NCTT	44,6
Biến phí SXC	2,8
Định phí sản xuất chung.....	<u>49,2</u>
Chi phí sản xuất 1 sản phẩm	<u>143,4</u>

Có một nhà cung cấp bên ngoài đề nghị sẽ bán cho công ty toàn bộ 40.000 sản phẩm với giá 115 một sản phẩm. Nếu công ty chấp nhận lời đề nghị này, thì năng lực dùng để sản xuất sản phẩm A sẽ dùng để sản xuất sản phẩm khác có số dư đảm phí là 704.000 một năm. Ngoài ra trong định phí SXC có

43,8 là định phí SXC phân bổ, nếu ngừng sản xuất sản phẩm A thì định phí này sẽ phân bổ cho các sản phẩm còn lại

Yêu cầu:

Sử dụng thông tin thích hợp hãy cho biết công ty nên mua ngoài hay tự sản xuất?

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú																								
I. Trắc nghiệm		6.0																									
Câu 1 – 15		0.4/câu																									
II. Tự luận		4.0																									
Câu 16		1.0																									
Nội dung 1	Tính số dư đảm phí tháng 1/2024 của Doanh nghiệp A Số dư đảm phí = Tổng Doanh thu - Tổng Biến phí = 600.000.000 - 300.000.000 = 300.000.000	0.25																									
Nội dung 2.	Tính sản lượng hòa vốn và doanh thu hòa vốn tháng 1/2024 của Doanh nghiệp A - Sản lượng hòa vốn = Tổng định phí / (giá bán đơn vị - biến phí đơn vị) = 180.000.000 / (2.000.000 - 1.000.000) = 180 sản phẩm (0.125đ) - Doanh thu hòa vốn = sản lượng hòa vốn * giá bán = 180 * 2.000.000 = 360.000.000 đồng. (0.125đ)	0.25																									
Nội dung 3	Cách 1 - Nếu tháng 2/2024, doanh thu Doanh nghiệp A tăng thêm 100.000.000 đồng thì lợi nhuận Doanh nghiệp A tăng: Vì DT tăng do tăng sản lượng nên => sản lượng bán mới = 700.000.000/2000.000=350 sp Lợi nhuận mới = 700.000.000 – 1000.000*350-180.000.000 = 170.000.000 đồng. =>LN tăng thêm = 170.000.000-120.000.000=50.000.000 Cách 2 Vì cty đã vượt qua điểm hòa vốn nên khi DT tăng thêm 100tr đồng => LN sẽ tăng đúng bằng phần số dư đảm phí tăng thêm = 100.000.000*(300tr/600tr)=50.000.000 đồng	0.25																									
Nội dung 4.	- Nếu tháng 2/2024, Doanh nghiệp A dự kiến tăng chi phí quảng cáo thêm 30.000.000 đồng, giảm giá bán đi 10%, lúc này sản lượng tiêu thụ dự kiến tăng 30%. Tính lợi nhuận tăng thêm của tháng 2/2024. Định phí tăng thêm 30.000.000 đồng Số dư đảm phí tăng thêm = (2.000.000*0.9 - 1.000.000)*300*130% -300.000.000 = 12.000.000 đồng Lợi nhuận tháng 2/2024 = 12.000.000 - 30.000.000 = -18.000.000 đồng Vậy lợi nhuận tháng 2/2024 giảm đi 18.000.000 đồng.	0.25																									
Câu 17		1.0																									
Nội dung 1	Dự toán doanh thu <table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>Quý 1</th> <th>Quý 2</th> <th>Quý 3</th> <th>Quý 4</th> <th>Cả năm</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Sản lượng bán</td> <td>20.000</td> <td>40.000</td> <td>60.000</td> <td>90.000</td> <td>210.000</td> </tr> <tr> <td>Giá bán</td> <td>60</td> <td>60</td> <td>60</td> <td>60</td> <td>60</td> </tr> <tr> <td>Doanh thu</td> <td>1.200.000</td> <td>2.400.000</td> <td>3.600.000</td> <td>5.400.000</td> <td>12.600.000</td> </tr> </tbody> </table>		Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Cả năm	Sản lượng bán	20.000	40.000	60.000	90.000	210.000	Giá bán	60	60	60	60	60	Doanh thu	1.200.000	2.400.000	3.600.000	5.400.000	12.600.000	0.5	
	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Cả năm																						
Sản lượng bán	20.000	40.000	60.000	90.000	210.000																						
Giá bán	60	60	60	60	60																						
Doanh thu	1.200.000	2.400.000	3.600.000	5.400.000	12.600.000																						

	(0,125đ)	(0,125đ)	(0,125đ)	(0,125đ)	(0,125đ)			
Nội dung 2	Dự toán sản xuất của sản phẩm X năm N						0.5	
	Chi tiêu	Quý				Cả năm		
		I	II	III	IV			
	1.Số lượng SP tiêu thụ (SP)	20.000	40.000	60.000	90.000	210.000		
	2.Lượng SP tiêu thụ tồn kho cuối kỳ(SP)	8.000	12.000	18.000	14.000	14.000		
	3. Lượng SP tồn kho đầu kỳ (SP)	4.000	8.000	12.000	18.000	4.000		
4. Lượng SP cần sản xuất (SP)	24.000 (0.125đ)	44.000 (0.125đ)	66.000 (0.125đ)	86.000 (0.125đ)	220.000			
Câu 18							1	
Nội dung 1	Biến động về giá chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (Giá thực tế - giá định mức)*lượng thực tế mua = (2800-3000)*14000=-2.800.000 đ (có lợi)						0.5	
Nội dung 2	Biến động về lượng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (Lượng thực tế dùng - lượng định mức)*giá định mức =(11200-5*2000)*3000=3.600.000đ (Bất lợi) Trong đó lượng thực tế dùng= 1000+14000-3800=11200 kg						0.5	
Câu 19							1	
Nội dung 1	Theo thông tin thích hợp cho việc lựa chọn mua ngoài hay tự sản xuất ta có:							
		Chi phí 1 SP là:	Tự sản xuất	Mua ngoài	Chênh lệch			
	- Chi phí NVLTT	46,8	1.872.000		1.872.000			
	- Chi phí NCTT	44,6	1.784.000		1.784.000			
	- Biến phí SXC	2,8	112.000		112.000			
	- Định phí SXC (định phí bộ phận)	5,4	216.000		216.000			
	- Chi phí mua ngoài	115		4.600.000	(4.600.000)			
	- Số dư đảm phí của 1 sản phẩm khác	-17,6		(704.000)	704.000			
	Cộng	197	3.984.000	3.896.000	88.000			
			0.125đ	0.125đ	0.125đ			
Vậy mua ngoài sẽ tốt hơn là tự sản xuất vì rẻ hơn so với tự sx 88.000 0.125đ								
Điểm tổng						10.0		

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2024
Giảng viên ra đề

Người duyệt đề

TS. Lê Phan Thanh Hòa

Ths. Lê Như Hoa
Ths. Huỳnh Đăng Thành